

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật tổng hợp và Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm

Mã đơn vị: 1076866

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2023

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (tỷ theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Từ doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Từ doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất tại 147 pasteur	3.234	204.724.860		2.554		680															
2	CĂN TIN									2010	40	82.287	42.789				40					
3	DÂY C (LẦU 3 + 4)									2003	1	1.349.627	809.776		1							
4	HỘI TRƯỞNG A									1975	1	277.498	166.499		1							
5	HỘI TRƯỞNG A1									1975	1	110.579	2.212		1							
6	KHO									1988	38	37.161	11.149				38					
7	PHÒNG A20									1990	1	289.279			1							
8	PHÒNG A20A									1990	1	44.814			1							
9	PHÒNG B1									1973	37	53.611	3.649				37					
10	PHÒNG B2									1973	30	41.405	1.128				30					
11	PHÒNG B3									1971	37	47.337					37					

12	PHÒNG B4									1983	30	34.309					30				
13	PHÒNG B5									1994	28	31.734					28				
14	PHÒNG B6									1994	34	39.323					34				
15	PHÒNG B7									1983	60	102.913					60				
16	PHÒNG BẢO VỆ									1987	1	16.557			1						
17	PHÒNG BƠI ĐUONG VĂN HÓA NGOÀI GIỜ									1988	1	20.696			1						
18	PHÒNG C10									1971	1	110.110			1						
19	PHÒNG C12									1971	1	53.756			1						
20	PHÒNG C13									1971	1	53.756			1						
21	PHÒNG C20									1971	1	110.110			1						
22	PHÒNG C22									1971	1	53.756			1						
23	PHÒNG C23									1971	1	53.756			1						
24	PHÒNG C4									1987	69	79.104			69						
25	PHÒNG CHỨC NĂNG A2									2010	1	66.124	31.739		1						
26	PHÒNG D11									1971	1	68.980			1						
27	PHÒNG D12									1971	1	68.980			1						
28	PHÒNG D13									1971	1	68.980			1						
29	PHÒNG D21									1971	1	68.980			1						
30	PHÒNG D22									1971	1	68.980			1						

31	PHÒNG D23									1971	1	68.980			1					
32	PHÒNG D31									1971	1	68.080			1					
33	PHÒNG D32									1971	1	68.980			1					
34	PHÒNG D33									1971	1	68.980			1					
35	PHÒNG D41 + D42 + D43									1971	1	153.288			1					
36	PHÒNG D50									1994	1	65.304	24.349		1					
37	PHÒNG ĐÀO TẠO 1									1971	1	75.372	1.022	1						
38	PHÒNG ĐÀO TẠO 3									2016	1	19.910	17.123	1						
39	PHÒNG E									1995	55	56.966			55					
40	PHÒNG E10									1973	24	30.321			24					
41	PHÒNG E11									1973	36	46.442			36					
42	PHÒNG E12									1973	37	46.953			37					
43	PHÒNG E13									1973	38	48.489			38					
44	PHÒNG E20									1996	24	30.321			24					
45	PHÒNG E21									1996	113	144.443			113					
46	PHÒNG F									1997	62	89.756			62					
47	PHÒNG GIÁM ĐỐC 1									1988	1	17.755	5.890	1						
48	PHÒNG GIÁM ĐỐC 2									1988	1	17.131	4.475	1						
49	PHÒNG K1									1995	25	26.578			25					

1. THAM
 NG TÂM
 LUYỆN TẬP
 PHONG CẢM

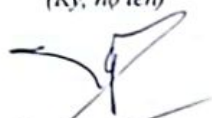
50	PHÒNG K2									1995	27	28.316			27					
51	PHÒNG K3									1995	32	33.709			32					
52	PHÒNG K4									1995	32	33.709			32					
53	PHÒNG K5									1995	29	28.894			29					
54	PHÒNG K6									1995	29	28.894			29					
55	PHÒNG K7									1995	45	47.412			45					
56	PHÒNG K8									1995	45	46.723			45					
57	PHÒNG K9									1995	56	58.064			56					
58	PHÒNG L1									1995	35	36.583			35					
59	PHÒNG L2									1995	35	36.583			35					
60	PHÒNG L3									1995	35	36.583			35					
61	PHÒNG LAB									1971	1	26.412			1					
62	PHÒNG THƯ GIỎM ĐỐC + PHÒNG GIÁM THỊ									1971	1	20.724		1						
63	PHÒNG THƯ GIỎM ĐỐC + PHÒNG GIÁM THỊ 2									2016	1	33.000	28.380	1						
64	PHÒNG PHỐI CẢNH KIẾN TRÚC									1995	1	24.044			1					
65	PHÒNG S/C XE GẮN MÁY 1									1983	1	32.525			1					
66	PHÒNG THÍ NGHIỆM 1									1987	1	87.701			1					
67	PHÒNG THÍ NGHIỆM 2									1987	1	25.928			1					
68	PHÒNG THÍ NGHIỆM 3									2016	1	33.000	23.760		1					

69	PHÒNG THIẾT BỊ									1973	1	46.825		1							
70	PHÒNG THƯ VIỆN									1997	1	57.000		1							
71	PHÒNG THỰC HÀNH ĐIỆN TỬ									1994	1	56.136			1						
72	PHÒNG THỰC HÀNH PHÔI CẢNH 1									1990	1	14.124			1						
73	PHÒNG THỰC HÀNH PHÔI CẢNH 3									1990	1	15.385			1						
74	PHÒNG THỰC HÀNH PHÔI CẢNH 5									1990	1	15.967			1						
75	PHÒNG THỰC HÀNH PHÔI CẢNH 7									1990	1	17.297			1						
76	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 1									1992	52	69.346			52						
77	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 3									1971	1	33.132	19.879		1						
78	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 4									1989	1	51.692			1						
79	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 6									1989	1	63.881			1						
80	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 7									1989	1	10.834			1						
81	PHÒNG THỰC HÀNH TIN HỌC 8									1971	1	26.412			1						
82	PHÒNG TIN HỌC 1									1995	1	22.389			1						
83	PHÒNG TIN HỌC 2									1995	1	14.926			1						
84	PHÒNG TIN HỌC 3									1995	1	19.191			1						
85	PHÒNG TIN HỌC 4									1995	1	12.794			1						
86	PHÒNG TUYỂN SINH ANH NGỮ									1995	18	18.605			18						
87	PHÒNG TUYỂN SINH PHIM HOẠT HÌNH									1995	18	18.605			18						

88	PHÒNG Y TẾ									1971	1	26.412		1						
89	XƯỞNG ĐÁNH MÁY CHỮ									1994	1	88.764			1					
90	XƯỞNG ĐIỆN NỘI THẤT 1									1971	61	26.958	16.175		61					
91	XƯỞNG ĐIỆN NỘI THẤT 2									1971	78	44.772	26.863		78					
Tổng cộng:		3.234	204.724.860		2554		680				1499	6119702,989	1236855,842	10	1155		334			

Ngày 2 tháng 2 năm 2024

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)


Nguyễn Hoài Anh

